

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đầu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Trần Thị Hoàng Liên Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

Số : 311./2017/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 14 tháng 11 năm 2017, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc


Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.004.333.002	88.090.802.001
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.839.181.161	2.063.940.796
1.	Tiền	111	V.01	1.839.181.161	2.063.940.796
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.200.000.000	3.750.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.200.000.000	3.750.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.988.005.162	24.245.937.665
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	9.010.199.699	19.709.564.176
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.988.928.763	1.371.689.105
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.988.876.700	3.164.684.384
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	68.439.097.458	57.867.588.741
1.	Hàng tồn kho	141		68.439.097.458	57.867.588.741
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		538.049.221	163.334.799
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	83.375.356	85.128.463
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		376.467.529	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	78.206.336	78.206.336
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.148.573.963	43.292.439.852
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.949.737.596	17.907.863.210
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.930.051.183	17.883.234.183
	- Nguyên giá	222		54.627.207.343	54.094.724.135
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.697.156.160)	(36.211.489.952)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	19.686.413	24.629.027
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(75.313.587)	(70.370.973)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.695.399.241	2.549.989.544
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.695.399.241	2.549.989.544
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.200.000.000	1.357.685.952
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	157.685.952
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.303.437.126	21.476.901.146
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	21.303.437.126	21.476.901.146
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		133.152.906.965	131.383.241.853

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		94.355.494.644	99.990.073.109
I.	Nợ ngắn hạn	310		92.251.505.604	96.300.428.169
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	324.643.687	7.596.942.544
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.133.822.358	19.375.514.835
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	128.254.984	6.979.581.998
4.	Phải trả người lao động	314		114.974.948	511.420.703
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	72.115.001	237.133.570
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	785.743.765	1.563.627.028
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	72.690.380.108	60.034.636.738
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		2.103.989.040	3.689.644.940
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	2.103.989.040	3.689.644.940
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

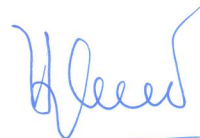
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.797.412.321	31.393.168.744
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	38.797.412.321	31.393.168.744
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.178.343.140)	2.917.413.283
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		277.413.283	216.517.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.455.756.423)	2.700.895.762
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		133.152.906.965	131.383.241.853

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT


Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	29.446.751.821	29.359.942.904
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	366.022.966	1.386.706.805
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.080.728.855	27.973.236.099
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	26.432.037.104	26.405.581.660
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.648.691.751	1.567.654.439
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	268.693.071	234.667.566
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	3.335.129.572	2.993.052.496
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.319.030.274	2.992.167.951
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(327.685.952)	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.013.864.097	1.862.775.240
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2.521.257.453	2.154.877.936
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.280.552.252)	(5.208.383.667)
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	903.610.707	909.090.909
13.	Chi phí khác	32	VI.07	78.814.878	49.134.530
14.	Lợi nhuận khác	40		824.795.829	859.956.379
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.455.756.423)	(4.348.427.288)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	1.910.000
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(920)	(1.689)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(920)	(1.689)

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		39.190.531.882	49.013.821.917
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(43.160.204.768)	(39.277.725.567)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.276.321.858)	(2.898.458.263)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.315.048.843)	(3.112.901.626)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(1.910.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		488.649.259	26.749.833
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.231.768.465)	(8.483.535.899)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.304.162.793)	(4.733.959.605)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.142.759.637)	(2.052.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		433.000.000	1.000.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		261.346.125	234.667.566
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.068.413.512)	(817.332.434)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

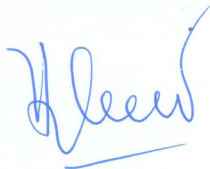
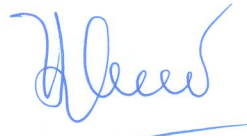
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.500.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		59.675.635.653	42.364.530.539
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.605.548.183)	(36.725.184.170)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.422.270.800)	(2.160.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.147.816.670	3.479.346.369
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(224.759.635)	(2.071.945.670)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.063.940.796	5.304.474.907
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.839.181.161	3.232.529.237

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT


Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 30 tháng 9 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp". Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	378.979.540	184.621.730
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.460.201.621	1.879.319.066
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1.839.181.161	2.063.940.796

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
Cộng	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			270.000.000	-	-			100.000.000	157.685.952	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long ^(a)	45	45	270.000.000	-	-	45	45	100.000.000	157.685.952	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,7 6	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7 6	4,76	200.000.000	200.000.000	-
Cộng			1.470.000.000	1.200.000.000	-			1.300.000.000	1.357.685.952	-

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(a) Trong kỳ công ty góp 170.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 27.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vang Thăng Long.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long				
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.183.471.513	-		
Chuyển tiền góp vốn	170.000.000	-		
03. Phải thu của khách hàng				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.010.199.699	19.709.564.176		
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.760.509.496	2.095.753.496		
- Công ty cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hóa	-	11.445.734		
- Hộ kinh doanh cá thể Công Thị Loan	408.875.445	563.506.569		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	7.017.384.544		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.840.814.758	10.021.473.833		
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-		
Cộng	9.010.199.699	19.709.564.176		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	7.017.384.544		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	7.017.384.544		
Cộng	-	7.017.384.544		
04. Phải thu khác				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.988.876.700	-	3.164.684.384	-
- Tạm ứng	917.652.453	-	867.188.554	-
- Phải thu khác	2.071.224.247	-	2.297.495.830	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.988.876.700	-	3.164.684.384	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	8.209.987.938	-	7.694.403.542	-
- Công cụ, dụng cụ	331.059.778	-	514.811.961	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.054.255.623	-	38.156.337.725	-
- Thành phẩm	7.938.449.163	-	4.918.852.060	-
- Hàng hoá	2.107.194.218	-	2.100.062.833	-
- Hàng gửi đi bán	3.798.150.738	-	4.483.120.620	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	68.439.097.458	-	57.867.588.741	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Xây dựng cơ bản	2.695.399.241	2.549.989.544
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	1.765.707.514	1.620.297.817
Cộng	2.695.399.241	2.549.989.544

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>35.537.378.608</i>	<i>2.905.469.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>54.094.724.135</i>
- Mua trong kỳ	-	788.850.000	353.909.637	-	-	1.142.759.637
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	(190.571.429)	-	-	(610.276.429)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>35.906.523.608</i>	<i>3.068.807.898</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>54.627.207.343</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.040.497.219</i>	<i>22.747.630.316</i>	<i>1.752.493.227</i>	<i>332.436.206</i>	<i>1.338.432.984</i>	<i>36.211.489.952</i>
- Khấu hao trong kỳ	181.336.890	711.407.858	114.231.754	4.624.062	76.390.698	1.087.991.262
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	(182.620.054)	-	-	(602.325.054)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.221.834.109</i>	<i>23.039.333.174</i>	<i>1.684.104.927</i>	<i>337.060.268</i>	<i>1.414.823.682</i>	<i>36.697.156.160</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.315.417.148</i>	<i>12.789.748.292</i>	<i>1.152.976.463</i>	<i>16.803.612</i>	<i>608.288.668</i>	<i>17.883.234.183</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>3.134.080.258</i>	<i>12.867.190.434</i>	<i>1.384.702.971</i>	<i>12.179.550</i>	<i>531.897.970</i>	<i>17.930.051.183</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 25.298.561.925 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt theo sổ sách là 25.954.653.306 đồng và 10.667.219.229 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	51.278.977	19.091.996	70.370.973
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	54.034.093	21.279.494	75.313.587
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	8.721.023	15.908.004	24.629.027
2. Tại ngày cuối kỳ	5.965.907	13.720.506	19.686.413

09. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	83.375.356	85.128.463
- Phí bảo hiểm	48.808.905	47.204.644
- Các khoản khác	34.566.451	37.923.819
b. Dài hạn	21.303.437.126	21.476.901.146
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	194.268.099	244.005.508
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.865.510.444	20.248.935.200
- Chi phí sửa chữa	846.212.162	836.242.664
- Chi phí khác	397.446.421	147.717.774
Cộng	21.386.812.482	21.562.029.609

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	60.034.636.738	59.012.079.409	61.261.291.553	48.605.548.183	72.690.380.108	72.690.380.108
- Vay ngân hàng	39.529.227.047	38.506.669.718	40.817.715.637	33.204.226.576	47.142.716.108	47.142.716.108
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	9.716.562.994	11.287.388.061	9.934.736.130	9.716.562.994	9.934.736.130	9.934.736.130
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	17.919.958.917	21.651.556.791	10.910.055.678	11.594.958.446	17.235.056.149	17.235.056.149
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	11.892.705.136	5.567.724.866	19.972.923.829	11.892.705.136	19.972.923.829	19.972.923.829
- Vay đối tượng khác	18.919.753.791	18.919.753.791	18.857.920.016	14.608.493.657	23.169.180.150	23.169.180.150
+ Các cá nhân ^(d)	18.919.753.791	18.919.753.791	18.857.920.016	14.608.493.657	23.169.180.150	23.169.180.150
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.585.655.900	1.585.655.900	1.585.655.900	792.827.950	2.378.483.850	2.378.483.850
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	596.827.950	1.790.483.850	1.790.483.850
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	392.000.000	196.000.000	588.000.000	588.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.689.644.940	3.689.644.940	-	1.585.655.900	2.103.989.040	2.103.989.040
Từ 1 năm đến 5 năm	3.689.644.940	3.689.644.940	-	1.585.655.900	2.103.989.040	2.103.989.040
- Vay ngân hàng	3.689.644.940	3.689.644.940	-	1.585.655.900	2.103.989.040	2.103.989.040
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	2.611.644.940	2.611.644.940	-	1.193.655.900	1.417.989.040	1.417.989.040
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.078.000.000	1.078.000.000	-	392.000.000	686.000.000	686.000.000
Cộng	63.724.281.678	62.701.724.349	61.261.291.553	50.191.204.083	74.794.369.148	74.794.369.148

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong kỳ là 8,9%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh thanh toán, mở LC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8A phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay trong kỳ là 9,7%/năm.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay trong kỳ từ 8,6%/năm đến 9%/năm.
- (d): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất trong kỳ là 7,5%/năm.
- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng máy chiết rót rượu vào chai, lãi suất cố định 8,27%/năm.

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	324.643.687	324.643.687	7.596.942.544	7.596.942.544
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	-	-	4.209.420.600	4.209.420.600
- Công ty TNHH Thương mại Nam Đô	102.300.000	102.300.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	222.343.687	222.343.687	3.387.521.944	3.387.521.944
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	324.643.687	324.643.687	7.596.942.544	7.596.942.544

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	899.609.055	50.196.845	949.805.900	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	197.706.390	197.706.390	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.040.050.091	384.264.226	6.393.826.445	-	30.487.872
- Thuế thu xuất nhập khẩu	-	-	481.111.156	481.111.156	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.206.336	-	-	-	78.206.336	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.922.852	125.344.227	67.499.967	-	97.767.112
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.408.483.027	1.408.483.027	-	-
Cộng	78.206.336	6.979.581.998	2.647.105.871	9.498.432.885	78.206.336	128.254.984

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	-	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	72.115.001	-	237.133.570
- Chi phí lãi vay	66.115.001	-	62.133.570
- Chi phí phải trả khác	6.000.000	-	175.000.000
b. Dài hạn	-	-	-
Cộng	72.115.001	-	237.133.570

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	-	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	785.743.765	-	1.563.627.028
- Kinh phí công đoàn	21.902.416	-	23.341.992
- Bảo hiểm xã hội	57.675.020	-	-
- Bảo hiểm y tế	25.622.078	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.083.283	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	671.460.968	-	1.540.285.036
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	68.561.264	-	60.832.064
+ <i>Các đối tượng khác</i>	602.899.704	-	1.479.452.972
b. Dài hạn	-	-	-
Cộng	785.743.765	-	1.563.627.028

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.700.895.762	2.700.895.762
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Tăng vốn trong kỳ này (*)	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	(3.455.756.423)	(3.455.756.423)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	40.500.000.000	1.475.755.461	(3.178.343.140)	38.797.412.321

(*) Tăng vốn trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016. Khoản vốn tăng này được Công ty bổ sung vốn lưu động phù hợp với mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(**) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Vang Thăng Long số 01/CPVTL ngày 23 tháng 5 năm 2017. Chi tiết phân phối lợi nhuận kỳ:

	<u>Từ 01/4/2017</u> <u>đến 30/9/2017</u>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	210.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.430.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	<u>2.640.000.000</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>%</u>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	16.199.320.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	24.300.680.000	60	16.200.450.000	60
Cộng	<u>40.500.000.000</u>	100	<u>27.000.000.000</u>	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/4/2017</u> <u>đến 30/9/2017</u>	<u>Từ 01/4/2016</u> <u>đến 30/9/2016</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	13.500.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.500.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.430.000.000	2.160.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.050.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.050.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	<u>1.475.755.461</u>	<u>1.475.755.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Phạm Quang Dũng	3.675.500	-
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	-
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	-
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	-
+ DNTN Thành Công (Tỉnh Lạng Sơn)	13.377.901	-
+ DNTN Hoàng Anh (Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh)	35.875.176	-
+ Hộ kinh doanh Minh Đức (P. Hà Trung, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)	98.455.456	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Thành	6.768.400	-
Cộng	262.282.433	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Doanh thu bán hàng	25.553.937.680	26.897.894.117
- Doanh thu bán thành phẩm	900.366.855	790.963.696
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.878.463	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.686.568.823	1.671.085.091
Cộng	29.446.751.821	29.359.942.904

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Chiết khấu thương mại	58.947.357	61.528.215
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	307.075.609	1.325.178.590
Cộng	366.022.966	1.386.706.805

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.644.978.615	26.872.826.106
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	460.483.432	(696.382.717)
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	326.575.057	227.494.137
- Giá trị hàng tồn kho hủy trong kỳ	-	1.644.134
Cộng	26.432.037.104	26.405.581.660

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	268.693.071	234.667.566
Cộng	268.693.071	234.667.566

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Lãi tiền vay	3.319.030.274	2.992.167.951
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	8.463.303	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.635.995	-
- Chi phí tài chính khác	-	884.545
Cộng	3.335.129.572	2.993.052.496

06. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	385.684.989	909.090.909
- Các khoản khác	517.925.718	-
Cộng	903.610.707	909.090.909

07. Chi phí khác

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Các khoản bị phạt hành chính	77.006.012	46.500.131
- Các khoản khác	1.808.866	2.634.399
Cộng	78.814.878	49.134.530

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.521.257.453	2.154.877.936
- Chi phí nhân viên quản lý	958.694.177	608.431.282
- Chi phí đồ dùng văn phòng	95.420.247	56.351.318
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.576.066	41.076.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	846.299.705	406.405.160
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	575.267.258	1.042.614.110
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.013.864.097	1.862.775.240
- Chi phí nhân viên	256.892.725	671.197.502
- Chi phí vật liệu, bao bì	948.326	93.895.479
- Chi phí khấu hao TSCĐ	61.908.396	64.908.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.253.625	280.798.576
- Chi phí khác	275.861.025	751.975.287
Cộng	3.535.121.550	4.017.653.176

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.910.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.910.000

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.754.918	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(920)	(1.689)

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.455.756.423)	(4.350.337.288)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.754.918	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(920)	(1.689)

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.664.902.562	4.000.161.863
- Chi phí nhân công	3.128.485.380	3.554.156.361
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.092.933.876	1.133.231.730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.347.258.806	906.116.433
- Chi phí khác bằng tiền	2.809.829.086	3.275.676.457
Cộng	15.043.409.710	12.869.342.844

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	164.897.086	107.868.892
Cộng	164.897.086	107.868.892

03. Thay đổi chính sách kế toán*Điều chỉnh hồi tố*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/4/2016 đến 30/9/2016 đã soát xét	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.611)	(167)	(1.689)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.611)	(167)	(1.689)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân lực;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	534.343.889	25.553.937.680	305.878.463	2.686.568.823	29.080.728.855
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	596.112.629	31.726.435.500	72.794.522	965.938.456	33.361.281.107
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(61.768.740)	(6.172.497.820)	233.083.941	1.720.630.367	(4.280.552.252)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.149.054.914	334.465.215	4.003.520	35.163.419	1.522.687.069
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.216.420	1.445.996.000	17.308.449	152.022.276	1.642.543.146
Số dư tại 30/9/2017					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.925.989.639	98.457.992.452	1.178.533.805	10.351.209.908	124.913.725.804
- Tài sản không phân bổ					8.239.181.161
Tổng tài sản	14.925.989.639	98.457.992.452	1.178.533.805	10.351.209.908	133.152.906.965
- Nợ phải trả bộ phận	1.733.706.293	82.911.068.117	992.438.441	8.716.711.040	94.353.923.891
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	1.733.706.293	82.911.068.117	992.438.441	8.716.711.040	94.355.494.644

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	(595.743.109)	26.897.894.117	-	1.671.085.091	27.973.236.099
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	(471.197.804)	33.042.129.806	-	610.687.764	33.181.619.766
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(124.545.305)	(6.144.235.689)	-	1.060.397.327	(5.208.383.667)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.083.777.356	822.524.368	-	51.089.412	4.957.391.136
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.174.361	1.416.686.971	-	87.994.601	1.531.855.933
Số dư tại 30/9/2016					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	62.521.105.813	46.803.960.316	-	9.231.736.158	118.556.802.287
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	4.432.529.237
Tổng tài sản	62.521.105.813	46.803.960.316	-	9.231.736.158	122.989.331.524
- Nợ phải trả bộ phận	5.867.002.392	87.759.704.288	-	5.019.118.397	98.645.825.077
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.570.753
Tổng nợ phải trả	5.867.002.392	87.759.704.288	-	5.019.118.397	98.647.395.830

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.839.181.161	-	2.063.940.796	-	1.839.181.161	2.063.940.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.025.488.901	-	19.859.924.961	-	9.025.488.901	19.859.924.961
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.200.000.000	-	3.750.000.000	-	5.200.000.000	3.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	17.264.670.062	-	26.873.865.757	-	17.264.670.062	26.873.865.757

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	324.643.687	7.596.942.544	324.643.687	7.596.942.544
Vay và nợ	74.794.369.148	63.724.281.678	74.794.369.148	63.724.281.678
Chi phí phải trả	72.115.001	237.133.570	72.115.001	237.133.570
Các khoản phải trả khác	104.770.160	372.857.055	104.770.160	372.857.055
Cộng	75.295.897.996	71.931.214.847	75.295.897.996	71.931.214.847

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**06. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng		
Máy móc thiết bị	5.186.618.447	Giải chấp khi các khoản
Phương tiện vận tải truyền dẫn	594.145.402	vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Tiên Phong		
Máy móc thiết bị	4.439.976.626	Giải chấp khi các khoản
Phương tiện vận tải truyền dẫn	446.478.754	vay được trả
Tổng cộng	10.073.073.827	
Số đầu năm		
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng		
Máy móc thiết bị	5.438.083.706	Giải chấp khi các khoản
Phương tiện vận tải truyền dẫn	674.919.631	vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Tiên Phong		
Máy móc thiết bị	4.678.420.454	Giải chấp khi các khoản
Phương tiện vận tải truyền dẫn	478.056.832	vay được trả
Tổng cộng	11.269.480.623	

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	324.643.687	-	-	324.643.687
Vay và nợ	72.690.380.108	2.103.989.040	-	74.794.369.148
Chi phí phải trả	72.115.001	-	-	72.115.001
Các khoản phải trả khác	104.770.160	-	-	104.770.160
Cộng	73.191.908.956	2.103.989.040	-	75.295.897.996
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	-	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	237.133.570	-	-	237.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
Cộng	68.241.569.907	3.689.644.940	-	71.931.214.847

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được soát xét Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà